



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

cho năm tài chính 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 3875 9477

Fax: (84-4) 3875 9476

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 08
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	09 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	14 - 33

28-C  
CÔNG TY  
M HỮU  
VÀ ĐÌNH  
HAI  
- TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 3875 9477

Fax: (84-4) 3875 9476

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC***đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp**cho năm tài chính 2013***BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Armephaco trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0100109191 ngày 18/09/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **130.000.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

**Các đơn vị trực thuộc của Công ty**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	Số 118A Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội
2 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
3 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	Số 112 Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Q1, TP HCM
4 Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	112 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP HCM
5 Chi nhánh Hà Nội	Số 8 Tăng Bạt Hổ, P Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
6 Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q Hải Châu, Đà Nẵng
7 Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	Số 148A Hai Bà Trưng, P Yên Đỗ, tp Pleiku, Gia Lai
8 Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	KĐT mới Hưng Phú, P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, Cần Thơ
9 Chi nhánh thành phố Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
10 Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	134/1 Tô Hiến Thành, P15, Q10, TP Hồ Chí Minh
11 Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh	Số 334 Tô Hiến Thành, P14, Q10, TP Hồ Chí Minh
12 Văn phòng đại diện tại TP Hải Phòng	Tổ dân phố Khê Lâm 3, P. Nam Sơn, Q. Kiến An, Hải TP. Phòng
13 Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng	48/211 Lê Đình Dương, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
14 Văn phòng đại diện tại tỉnh Gia Lai	233D Lý Thái Tổ, P. Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Công ty chưa đăng ký là Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết:  
Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xây dựng nhà các loại; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục nghề nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm); Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhập các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm); Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; Chỉnh hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại nhà Nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Phòng khám đa khoa.
- Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Sản xuất, kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 3875 9477

Fax: (84-4) 3875 9476





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Chương	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Chi	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Bé	Ủy viên
Ông Bùi Việt Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Dương	Ủy viên
Ông Hoàng Cao Phong	Ủy viên

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc
Ông Đỗ Chi	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Bé	Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Đình Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Đức Thịnh	Phó Tổng giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Quyết định số 17/QĐ-ARM ngày 06/01/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Armephaco thì Chi nhánh Công ty Cổ phần Armephaco - Xí nghiệp dược phẩm 120 sẽ chấm dứt hoạt động kể từ ngày 06/01/2014. Lý do chấm dứt hoạt động là để chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV 120 Armephaco.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2013.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

120  
CÔNG  
NHỊ  
KIỂM  
TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**



**Nguyễn Văn Dũng**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014*





Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2014

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Armephaco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Armephaco, được lập ngày 07 tháng 02 năm 2014, từ trang 09 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, Công ty chưa loại trừ triệt để các giao dịch nội bộ nên giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của Công ty vẫn bao gồm lãi nội bộ. Với những tài liệu mà Công ty cung cấp chúng tôi không đủ cơ sở để loại trừ các giao dịch này.





- Công ty chưa kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khoản chi phí quản lý phát sinh từ các năm tài chính trước với giá trị là 990.935.724 đồng mà đang hạch toán trên TK142 - Chi phí trả trước ngắn hạn, đồng thời công ty chưa ghi nhận khoản chi phí thuê đất quốc phòng phát sinh năm 2011 và năm 2012 với giá trị là 3.223.746.370 đồng trên Báo cáo tài chính của Công ty. Theo đó bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2013 và dữ liệu so sánh tương ứng.
- Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2013.
- Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu đối với những khoản công nợ đã quá hạn thanh toán theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009. Số dự phòng ước tính phải trích lập là 1.399.448.565 đồng. Nếu khoản dự phòng trên được trích lập thì chi phí sẽ tăng lên 1.399.448.565 đồng và lợi nhuận sẽ giảm đi tương ứng.
- Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2013. Với những tài liệu mà Công ty cung cấp chúng tôi không thể lượng hóa được số chênh lệch tỷ giá hối đoái của những khoản công nợ này. Do đó, bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.
- Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2013 để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năm Tốt. Do đó chúng tôi không lượng hóa được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.
- Công ty đang thực hiện ghi nhận cổ tức được chia dựa trên kết quả kinh doanh của bên nhận đầu tư và tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các đơn vị này. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phần chênh lệch vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm nhận được thông báo.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Armephaco tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báo cáo tài chính tổng hợp.

#### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

- Công ty đã đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Chứng khoán. Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Tiền lương được xác định theo đơn giá tiền lương đã được phê duyệt của Tổng giám đốc. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán Công ty vẫn chưa thực hiện quyết toán quỹ lương năm 2013.





Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt và thay thế hoàn toàn cho Báo cáo kiểm toán số 73-14/BC-TC/II-VAE ngày 17 tháng 02 năm 2014. Công ty Cổ phần Armephaco giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Phạm Hùng Sơn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Huyền**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>587.424.585.749</b>	<b>617.415.371.821</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>62.758.487.016</b>	<b>72.277.090.868</b>
1 Tiền	111	V.1.	62.758.487.016	72.277.090.868
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>394.265.707.862</b>	<b>366.750.086.592</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	368.108.353.695	318.484.351.865
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	19.283.530.551	34.313.461.085
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	6.959.286.394	13.952.273.642
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(85.462.778)	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>112.324.905.320</b>	<b>147.319.046.833</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	112.324.905.320	147.319.046.833
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.075.485.551</b>	<b>31.069.147.528</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.760.581.238	12.874.628.015
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.898.893.105	3.708.814.003
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	8.518.847	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	10.407.492.361	14.485.705.510
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>114.457.650.314</b>	<b>122.971.515.577</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.496.070.603</b>	<b>101.314.210.306</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	89.681.409.663	100.203.515.582
- Nguyên giá	222		161.305.742.136	164.146.398.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.624.332.473)	(63.942.883.057)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	814.660.940	1.110.694.724
- Nguyên giá	228		1.459.179.546	1.459.179.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(644.518.606)	(348.484.822)
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.7.</b>	<b>20.469.488.791</b>	<b>20.469.488.791</b>
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.447.488.791	20.447.488.791
3 Đầu tư dài hạn khác	258		22.000.000	22.000.000
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.492.090.920</b>	<b>1.187.816.480</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	2.480.140.920	1.187.816.480
3. Tài sản dài hạn khác	268	VIII.3.4	1.011.950.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>701.882.236.063</b>	<b>740.386.887.398</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>556.648.694.007</b>	<b>595.532.550.317</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>554.332.423.826</b>	<b>593.078.098.317</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	164.207.143.442	150.810.437.705
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.5	262.685.210.299	257.462.286.495
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.6	36.712.477.141	69.044.069.746
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	1.738.657.665	3.545.939.851
5 Phải trả người lao động	315		3.290.460.263	4.252.764.290
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	514.798.466	582.697.529
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	85.183.676.551	107.379.902.701
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.316.270.181</b>	<b>2.454.452.000</b>
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.3.6	2.234.452.000	2.234.452.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		81.818.181	220.000.000
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>145.233.542.056</b>	<b>144.854.337.081</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13.</b>	<b>145.145.197.608</b>	<b>144.757.505.453</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.490.185.518	1.964.949.670
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.513.074.660	1.987.838.811
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.841.937.430	10.504.716.972
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		300.000.000	300.000.000
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.344.448</b>	<b>96.831.628</b>
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		88.344.448	96.831.628
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>701.882.236.063</b>	<b>740.386.887.398</b>

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	31/12/2013	01/01/2013
		minh		
1 Tài sản thuê ngoài			-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			-	-
5 Ngoại tệ các loại			-	-
USD			175.802.74	3.558
EUR			232.49	594.34
JPY			0.00	0.01
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự toán				

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






**Đào Ngọc Thạch**

**Bùi Viết Tuấn**

**Nguyễn Văn Dũng**



(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.14.</b>	<b>932.019.838.353</b>	<b>893.315.541.407</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	1.990.189.505	1.322.755.756
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.16.</b>	<b>930.029.648.848</b>	<b>891.992.785.651</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	853.975.055.780	833.494.737.667
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>76.054.593.068</b>	<b>58.498.047.984</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	4.246.984.053	9.995.323.236
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	11.764.650.721	7.173.667.965
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.765.948.583</i>	<i>5.855.690.163</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.8	33.938.708.304	32.819.357.782
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.9	23.708.259.467	16.946.823.462
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>10.889.958.629</b>	<b>11.553.522.011</b>
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.9	1.558.743.820	250.012.289
12 Chi phí khác	32	VIII.3.10	830.882.933	467.104.664
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>727.860.887</b>	<b>(217.092.375)</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>11.617.819.516</b>	<b>11.336.429.636</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	2.179.655.665	853.904.057
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>9.438.163.851</b>	<b>10.482.525.579</b>
<b>18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.25.</b>	<b>726</b>	<b>806</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Người lập

Đào Ngọc Thạch

Kế toán trưởng

Bùi Viết Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.285.563.779.413	1.118.434.140.553
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.235.984.811.170)	(1.155.719.577.538)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.428.948.435)	(23.142.596.624)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(6.302.853.512)	(5.586.317.686)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(925.373.301)	(4.463.325.875)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.047.404.821	32.460.066.820
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(71.689.112.266)	(34.563.593.815)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(18.719.914.450)</b>	<b>(72.581.204.165)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TSDH khác	21		(3.146.803.024)	(3.359.836.757)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH	22		14.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	144.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.119.204.413	4.002.037.494
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.986.601.389</b>	<b>786.200.737</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		310.379.711.248	294.569.460.130
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(297.144.707.282)	(233.211.082.557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.012.882.000)	(7.230.636.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.222.121.966</b>	<b>54.127.741.323</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(9.511.191.095)</b>	<b>(17.667.262.105)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>72.277.090.868</b>	<b>89.946.053.156</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.412.757)	(1.700.183)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>62.758.487.016</b>	<b>72.277.090.868</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Đào Ngọc Thạch

Bùi Viết Tuấn



Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
Năm 2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0100109191 ngày 18/09/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **130.000.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu; Chi tiết:
  - Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
  - Xây dựng nhà các loại; Thoát nước và xử lý nước thải;
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
  - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục nghề nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm); Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhập các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm); Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; Chỉnh hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

B.C.  
TY  
JU HA  
NH GI  
M  
HA

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại nhà Nước cất);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Phòng khám đa khoa.
- Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm
- Sản xuất, kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cất);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3875 9477 Fax: (84-4) 3875 9476

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ nhưng chưa triệt để đối với chỉ tiêu hàng tồn kho và giá vốn bán hàng nội bộ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

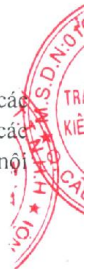
Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế do công ty xây dựng.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**Năm 2013**  
*(tiếp theo)*

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Đối với số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ là EUR, JYP, GBP, SGD, AUD không có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ thì khi quy đổi thực hiện thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm 31/12/2013.

Riêng số dư các khoản công nợ phải trả người bán và trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ Công ty chưa thực hiện đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 31/12/2013.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho các mặt hàng do công ty bán cho các chi nhánh phản ánh trên báo cáo tài chính tổng hợp chưa được bù trừ lẫn nội bộ của Văn phòng Công ty.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

2022  
CÔNG  
H NHIỆ  
TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Năm 2013***(tiếp theo)*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 09
TSCĐ khác	05 - 08

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền thuê gian hàng Chợ thuốc tại Quận 10, TP Hồ Chí Minh và phần mềm máy tính

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao từ 5 đến 20 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty* bao gồm cổ phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, hoặc ngày góp vốn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước: Đối với khoản chi phí trả trước phát sinh cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh nào thì được tập hợp và phân bổ cho từng khoản mục sản xuất kinh doanh đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo tiến độ của từng khoản mục sản xuất kinh doanh.

18-C  
 TỶ  
 HỮU  
 ĐÌNH  
 NAM  
 TP

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**12.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

**12.3 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng là thiết bị y tế và thuốc chữa bệnh, 10% đối với các loại vật tư, hàng hóa khác và không chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo, vật tư y tế cho thương binh.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế và 10% đối với dịch vụ đào tạo trình được viên.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**12.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

ARMEPHACO



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

(tiếp theo)

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	1.251.257.634	3.578.080.416
Tiền gửi ngân hàng	61.507.229.382	68.699.010.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.758.487.016</b>	<b>72.277.090.868</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.039.113.000	8.652.060.307
Phải thu khác	1.920.173.394	5.300.213.335
<i>Vốn liên kết Xi nghiệp 130</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>
<i>CCHQ CK Cảng Hải Phòng KVI</i>	<i>-</i>	<i>337.560.961</i>
<i>Thuế GTGT + Thuế TTĐB chờ xử lý</i>	<i>712.638.010</i>	<i>3.874.554.626</i>
<i>Thuế VAT, nhập khẩu nộp thừa</i>	<i>21.456.720</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>550.082.304</i>	<i>167.315.467</i>
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt</i>	<i>537.178.011</i>	<i>885.782.281</i>
<i>Dư Nợ TK334</i>	<i>63.818.349</i>	<i>-</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.959.286.394</b>	<b>13.952.273.642</b>
3. Hàng tồn kho	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.905.762.000
Nguyên liệu, vật liệu	35.544.247.299	31.286.312.070
Công cụ, dụng cụ	21.638.467	50.274.943
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.289.552.268	12.469.503.719
Thành phẩm	17.015.038.433	15.041.383.098
Hàng hoá	49.454.428.853	86.531.885.551
Hàng gửi đi bán	-	33.925.452
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>112.324.905.320</b>	<b>147.319.046.833</b>
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	8.518.847	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.518.847</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội  
 Tel: (84-4) 3875 9477 Fax: (84-4) 3875 9476

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
*cho năm tài chính 2013*

Mẫu số B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2013  
*(tiếp theo)*

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư ngày 01/01/2013	77.970.998.789	76.680.665.996	7.630.940.691	1.757.455.918	106.337.245	164.146.398.639		
Mua trong năm	653.464.592	2.116.676.727	-	56.572.727	-	2.826.714.046		
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-		
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	(199.476.826)	(4.454.198.460)	(53.104.200)	(960.591.063)	-	(5.667.370.549)		
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>78.424.986.555</b>	<b>74.343.144.263</b>	<b>7.577.836.491</b>	<b>853.437.582</b>	<b>106.337.245</b>	<b>161.305.742.136</b>		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư ngày 01/01/2013	28.868.106.090	30.810.550.970	3.051.656.682	1.180.668.142	31.901.173	63.942.883.057		
Khấu hao trong năm	4.238.562.749	6.703.090.204	359.479.597	182.371.973	-	11.483.504.523		
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-		
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	(531.869.745)	(2.557.923.714)	(37.766.907)	(674.494.741)	-	(3.802.055.107)		
<b>Số dư ngày 31/12/2013</b>	<b>32.574.799.094</b>	<b>34.955.717.460</b>	<b>3.373.369.372</b>	<b>688.545.374</b>	<b>31.901.173</b>	<b>71.624.332.473</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư ngày 01/01/2013	49.102.892.699	45.870.115.026	4.579.284.009	576.787.776	74.436.072	100.203.515.582		
Số dư ngày 31/12/2013	45.850.187.461	39.387.426.803	4.204.467.119	164.892.208	74.436.072	89.681.409.663		

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.203.590.429 đồng  
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.177.492.307 đồng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2013  
(tiếp theo)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Phần mềm kế toán	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2013	913.725.000	545.454.546	1.459.179.546
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013	913.725.000	545.454.546	1.459.179.546
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2013	348.484.822	-	348.484.822
Khấu hao trong năm	296.033.784	-	296.033.784
Số dư ngày 31/12/2013	644.518.606	-	644.518.606
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	565.240.178	545.454.546	1.110.694.724
Tại ngày 31/12/2013	269.206.394	545.454.546	814.660.940

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
<b>b - Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		20.447.488.791		20.447.488.791
Công ty Liên doanh TNHH Bơm tiêm sử dụng một lần dụng cụ y tế (1)		11.347.488.791		11.347.488.791
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt (2)		9.100.000.000		9.100.000.000
<b>c- Đầu tư dài hạn khác</b>		22.000.000		22.000.000
Công ty CP Y dược VN (CPV) (3)		22.000.000		22.000.000

(1) Trong năm Công ty tạm ghi nhận cổ tức lợi nhuận được chia căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị và tỷ lệ cổ phần nắm giữ. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào năm sau. Theo biên bản làm việc giữa Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và dụng cụ y tế với Công ty Cổ phần Armephaco năm 2012, 2013 thì lợi nhuận chia cho bên liên doanh trong năm 2011 và 2012 sẽ bằng 85% lợi nhuận sau thuế nhân với tỷ lệ liên doanh của các cổ đông. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện ghi nhận giảm cổ tức và lợi nhuận được chia của năm 2011 với số tiền là 796.320.782 đồng và năm 2012 với số tiền 1.201.074.081 đồng.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 379/2011/NQ-HĐQT ngày 02/04/2011, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt bằng tiền mặt chiếm 35% vốn điều lệ tương đương với 9,1 tỷ đồng. Trong đó, Công ty CP Armephaco thực góp 20% tương đương 5,2 tỷ đồng (Bộ Quốc phòng đồng ý cho phép góp 5 tỷ) và ba cá nhân khác góp vốn bằng tiền cá nhân dưới danh nghĩa Công ty CP Armephaco 15%. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt đủ 9,1 tỷ đồng theo cam kết. Các cá nhân mới chuyển cho Công ty 2.010.000.000 đồng phần còn lại đã được các cá nhân đã chuyển đủ trong năm 2013.

(3) Trong năm, Công ty nhận cổ tức bằng tiền từ đơn vị này là 8.000.000 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí Công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý	2.480.140.920	1.187.816.480
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.480.140.920</b>	<b>1.187.816.480</b>
9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn VND</b>	<b>164.207.143.442</b>	<b>131.009.981.705</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (1)	49.690.605.853	83.774.702.076
Ngân hàng TMCP Công Thương VN-CN Hà Nội (2)	25.100.149.033	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô (3)	34.502.763.454	10.129.289.701
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Bến Thành	784.000.000	2.234.641.500
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (4)	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	1.682.794.041	-
NH NN&PTNT VN - CN Hà Thành (5)	11.127.333.128	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành	-	9.612.592.893
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình (6)	29.219.497.933	10.258.755.535
Thái Thị Cẩm Hương (7)	2.100.000.000	-
<b>Vay ngắn hạn USD</b>	<b>-</b>	<b>19.800.456.000</b>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành	-	19.800.456.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>164.207.143.442</b>	<b>150.810.437.705</b>

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 259.12.053.5076.TD ngày 24/10/2012 hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng, mục đích: bổ sung vốn lưu động, lãi suất căn cứ theo quy định về lãi suất của MB trong từng thời kỳ, thời hạn vay tối đa 6 tháng/khế ước đối với lĩnh vực sản xuất thuốc, sản xuất thiết bị y tế, thời hạn vay tối đa 9 tháng/khế ước đối với lĩnh vực thương mại thuốc, thương mại thiết bị y tế hoặc (Dự nợ + Dự bảo lãnh thanh toán) trên 60 tỷ đồng. Tài sản bảo đảm: thế chấp tài sản cố định là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tại các XN 120,130,150. Giá trị định giá tạm tính 33.546 triệu đồng, thế chấp toàn bộ kho luân chuyển với giá trị tối thiểu 150 tỷ đồng và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 200 tỷ đồng của Công ty.

(2) Hợp đồng tín dụng số 23/2013-HỢTDHM/NHCT106-ARMEPHACO ngày 12/09/2013, hạn mức dư nợ tối đa: 50.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay: tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh vào ngày hai mươi lăm gần nhất sau đó.

(3) Hợp đồng tín dụng số 151/2013/575 ngày 11/01/2013, hạn mức dư nợ tối đa: 50.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đầu Quý I/2013, thời hạn vay: tối đa không quá 5 tháng, thời hạn rút vốn của Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 31/03/2013, lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty phải tiếp tục bổ sung tài sản bảo đảm cho Ngân hàng với tổng giá trị là 25 tỷ đồng.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Năm 2013****(tiếp theo)**

(4) Vay theo hợp đồng số 202.13.053.1107755.TD ngày 25/06/2013 với hạn mức 10.000.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được phẩm và thiết bị y tế; Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất theo kết quả xếp hạng tín dụng được phê duyệt và chính sách lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân; Khoản vay được đảm bảo bằng Hàng tồn kho, khoản phải thu và máy móc thiết bị, dây truyền sản xuất thuộc tại xí nghiệp 120, 130, 150.

(5) Hợp đồng tín dụng số 11303-LAV-201300298/HĐTD ngày 10/07/2013, hạn mức dư nợ tối đa: 50.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay: tối đa không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ áp dụng hình thức thả nổi việc điều chỉnh lãi suất thực hiện 03 tháng một lần quy định về lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ. Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

(6) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức trị giá 30.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong từng khế ước, thời hạn vay là 6 tháng.

(7) Khoản vay Bà Thái Thị Cẩm Hương theo Hợp đồng vay vốn số 001/HĐVV ngày 28/10/2013.

Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày 28/10/2013 đến hết ngày 28/03/2014

Mục đích vay vốn: Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh được phẩm.

Lãi suất vay: 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất tiền vay sẽ được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất của từng thời điểm và căn cứ vào lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	45.667.772	43.715.672
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.619.283.846
Thuế xuất nhập khẩu	-	250.239.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.680.863.378	426.581.014
Thuế thu nhập cá nhân	11.532.815	44.227.545
Các khoản thuế, phí lệ phí	593.700	161.892.265
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.738.657.665</b>	<b>3.545.939.851</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trích trước chi phí lãi vay	291.162.671	539.298.613
Trích trước chi phí độc hại	-	32.308.916
Trích trước chi phí ăn ca	101.070.000	-
Trích trước chi phí quảng cáo	-	11.090.000
Trích trước chi phí điện, nước	122.565.795	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>514.798.466</b>	<b>582.697.529</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	987.725.260	758.456.689
Bảo hiểm xã hội	675.707.199	1.992.072.205
Bảo hiểm y tế	373.358.428	-
Bảo hiểm thất nghiệp	163.789.460	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

(tiếp theo)

Phải trả về cổ phần hoá	27.260.777.170	64.948.179.906
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.074.314.108	4.166.747.141
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.648.004.926	35.514.446.760
Cục Tài chính - BQP	25.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	10.419.274.337	7.440.164.250
Công ty TNHH Y khoa Đỗ Thân	-	124.750.000
Medical Instrument System Co., Ltd	-	1.694.260.785
Nguyễn Văn Dũng	2.940.000.000	1.050.000.000
Đỗ Đình Ngọc	260.000.000	260.000.000
Đỗ Chí	700.000.000	700.000.000
Phải trả quỹ trợ cấp mất việc làm	-	1.321.392.516
Tiền thuế thuê đất phải trả bộ quốc phòng	11.096.584.630	4.339.010.630
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.078.608.955	2.737.355.713
Dư có TK 141	153.537.004	847.512.866
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.183.676.551</b>	<b>107.379.902.701</b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
			Tổng cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2012	130.000.000.000	17.977.848.072	147.977.848.072	
Lãi trong năm trước	-	10.482.525.579	10.482.525.579	
Giảm khác	-	(17.955.656.679)	(17.955.656.679)	
Số dư tại ngày 31/12/2012	130.000.000.000	10.504.716.972	140.504.716.972	
Lãi trong năm nay	-	9.438.163.851	9.438.163.851	
Giảm khác	-	(10.100.943.393)	(10.100.943.393)	
Số dư tại ngày 31/12/2013	130.000.000.000	9.841.937.430	139.841.937.430	
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		31/12/2013	01/01/2013	
		VND	VND	
Vốn góp của Nhà nước		66.300.000.000	66.300.000.000	
Vốn góp của các cổ đông khác		63.700.000.000	63.700.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	<i>6.012.882.000</i>	<i>15.079.884.214</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

(tiếp theo)

đ) Cổ phiếu	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

**e) Các quỹ của công ty**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2013	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2013
	Quỹ đầu tư phát triển	1.964.949.670	525.235.848	-
Quỹ dự phòng tài chính	1.987.838.811	525.235.849	-	2.513.074.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.952.788.481</b>	<b>1.050.471.697</b>	<b>-</b>	<b>5.003.260.178</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

**14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	922.852.192.355	870.827.182.498
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.121.345.998	15.955.148.909
Doanh thu dịch vụ đào tạo	7.046.300.000	6.533.210.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>932.019.838.353</b>	<b>893.315.541.407</b>

**15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.990.189.505	1.322.755.756
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.990.189.505</b>	<b>1.322.755.756</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

(tiếp theo)

16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	920.862.002.850	869.504.426.742
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.121.345.998	15.955.148.909
Doanh thu thuần dịch vụ đào tạo	7.046.300.000	6.533.210.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>930.029.648.848</b>	<b>891.992.785.651</b>
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	846.477.332.524	813.620.463.270
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.313.561.429	13.740.366.021
Giá vốn của dịch vụ đào tạo	5.854.729.061	5.881.536.423
Xử lý hàng tồn kho, mất phẩm chất	329.432.766	252.371.953
<b>Tổng cộng</b>	<b>853.975.055.780</b>	<b>833.494.737.667</b>
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	241.134.650	371.374.951
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.049.718.137	7.872.739.525
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	939.304.219	1.597.793.430
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.827.047	153.415.330
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.246.984.053</b>	<b>9.995.323.236</b>
19. Chi phí tài chính	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	6.765.948.583	5.855.690.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.997.268.271	1.316.522.841
Chi phí tài chính khác	1.433.867	1.454.961
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.764.650.721</b>	<b>7.173.667.965</b>
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Hoạt động chịu thuế TNDN 10%</b>		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.046.300.000	6.533.210.000
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.537.270.868	5.881.536.423
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	509.029.132	651.673.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	50.902.913	65.167.358



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

(tiếp theo)

## Hoạt động chịu thuế TNDN 25%

Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	925.739.358.584	887.832.171.651
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	917.224.347.576	884.677.224.852
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.515.011.008	3.154.946.799
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.128.752.752	788.736.700
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.179.655.665</b>	<b>853.904.057</b>

## 21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.992.481.636	132.247.410.104
Chi phí nhân công	33.031.016.257	31.743.526.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.892.847.647	10.117.411.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.654.975.670	22.032.252.870
Chi phí khác bằng tiền	4.756.416.545	13.286.474.607
<b>Tổng cộng</b>	<b>234.327.737.755</b>	<b>209.427.076.125</b>

## 22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.438.163.851	10.482.525.579
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.438.163.851	10.482.525.579
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	726	806

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

## 23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bằng tiền thông qua bù trừ tiền hàng với liên doanh	1.761.006.239	877.833.336
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.701.771	-

## VIII. Những thông tin khác

## 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Thực hiện quyết định số 561/QĐ-ARM ngày 12/6/2013 và số 616/QĐ-ARM ngày 25/6/2013 Chi nhánh Đà Nẵng bàn giao tài sản, tiền vốn lao động cho Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và Chi nhánh Pleiku - Gia Lai bàn giao cho Văn phòng đại diện tại Gia Lai theo biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động ngày 1/8/2013 tại thời điểm 31/7/2013.

Theo Quyết định số 17/QĐ-ARM ngày 06/01/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Armephaco thì Chi nhánh sẽ chấm dứt hoạt động kể từ ngày 06/01/2014. Lý do chấm dứt hoạt động là để chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV 120 Armephaco.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

(tiếp i theo)

## Hoạt động chịu thuế TNDN 25%

Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	925.739.358.584	887.832.171.651
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	917.224.347.576	884.677.224.852
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.515.011.008	3.154.946.799
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.128.752.752	788.736.700
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.179.655.665</b>	<b>853.904.057</b>

## 21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.992.481.636	132.247.410.104
Chi phí nhân công	33.031.016.257	31.743.526.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.892.847.647	10.117.411.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.654.975.670	22.032.252.870
Chi phí khác bằng tiền	4.756.416.545	13.286.474.607
<b>Tổng cộng</b>	<b>234.327.737.755</b>	<b>209.427.076.125</b>

## 22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.438.163.851	10.482.525.579
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.438.163.851	10.482.525.579
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	726	806

## VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

## 23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bằng tiền thông qua bù trừ tiền hàng với liên doanh	1.761.006.239	877.833.336
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	161.701.771	-

## VIII. Những thông tin khác

## 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Thực hiện quyết định số 561/QĐ-ARM ngày 12/6/2013 và số 616/QĐ-ARM ngày 25/6/2013 Chi nhánh Đà Nẵng bàn giao tài sản, tiền vốn lao động cho Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và Chi nhánh Pleiku - Gia Lai bàn giao cho Văn phòng đại diện tại Gia Lai theo biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động ngày 1/8/2013 tại thời điểm 31/7/2013.

Theo Quyết định số 17/QĐ-ARM ngày 06/01/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Armephaco thì Chi nhánh sẽ chấm dứt hoạt động kể từ ngày 06/01/2014. Lý do chấm dứt hoạt động là để chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV 120 Armephaco.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

(tiếp theo)

## 2. Thông tin về các bên liên quan

## 2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Bán hàng cho</b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	2.249.397.827	47.993.172.182
<b>Mua hàng của</b>			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và DCYT	Bên nhận đầu tư	21.894.721.440	21.675.227.540
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	4.926.537.795	4.455.038.105
<b>Doanh thu tài chính</b>			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và dụng cụ y tế (*)	Bên nhận đầu tư	3.049.718.137	7.855.739.525
Công ty CP Y dược VN (CPV)	Bên nhận đầu tư	8.000.000	17.000.000

(\*) Cổ tức nhận được bằng tiền là 4.893.659.205 đồng và bù trừ công nợ là 1.761.006.239 đồng và điều chỉnh giảm cổ tức lợi nhuận được chia năm 2011 và 2012 là 1.997.394.863 đồng.

## 2.2 Số dư với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	13.060.350.274	24.209.452.709
<b>Các khoản Phải thu khác</b>			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và dụng cụ y tế	Bên nhận đầu tư	5.039.113.000	8.652.060.307
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và DCYT	Bên nhận đầu tư	1.201.966.884	433.040.316
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	1.462.965.144	3.910.630.061

## 3. Những thông tin khác

## 3.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	3.522.007.208	1.235.504.000
Phải thu khách hàng của Văn phòng đại diện tại TP HCM	5.939.972.412	-
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	-	2.350.777.117
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	20.016.165.569	16.196.753.337
Phải thu khách hàng của Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	6.632.567.227	10.344.121.855
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	-	93.470.073
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	5.230.144.737	3.088.480.578
Phải thu khách hàng của Phòng kinh doanh XNK	100.235.141.648	-
Phải thu khách hàng của Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng	-	1.461.518.838
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	192.973.578.033	265.221.815.006
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	10.790.588.035	14.886.227.261
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	3.094.660.127	3.605.683.800
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	19.673.528.699	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>368.108.353.695</b>	<b>318.484.351.865</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**  
*(tiếp theo)*

<b>3.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho người bán của Phòng kinh doanh XNK	1.367.223.273	-
Trả trước cho người bán của Văn phòng đại diện tại TP HCM	816.505.232	-
Trả trước cho người bán của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	641.108.584	515.807.388
Trả trước cho người bán của Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	4.268.125.365	2.911.928.377
Trả trước cho người bán của Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	190.470.050	1.814.627.300
Trả trước cho người bán của Văn phòng Công ty	10.812.768.047	27.079.777.606
Trả trước cho người bán của Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	1.184.330.000	1.816.376.164
Trả trước cho người bán của Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	-	174.944.250
Trả trước cho người bán của Xí nghiệp Dược phẩm 150 (Cophavina)	3.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.283.530.551</b>	<b>34.313.461.085</b>
<b>3.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>5.989.534.191</b>	<b>3.446.854.271</b>
Khoản tạm ứng của Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	987.962.143	797.706.063
Khoản tạm ứng của Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	-	15.212.000
Khoản tạm ứng của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	39.203.744	53.339.744
Khoản tạm ứng của Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	158.649.536	200.327.530
Khoản tạm ứng của Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	-	287.178.000
Khoản tạm ứng của Văn phòng đại diện TP HCM	17.667.142	-
Khoản tạm ứng của Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	500.000.000	-
Khoản tạm ứng của Văn phòng Công ty	2.811.338.828	770.145.657
Khoản tạm ứng của Xí nghiệp Dược phẩm 120	133.269.970	66.629.283
Khoản tạm ứng của Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	128.542.781	54.024.050
Khoản tạm ứng của Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	1.212.900.047	1.202.291.944
<b>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	<b>4.417.958.170</b>	<b>11.038.851.239</b>
Khoản ký quỹ của Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	184.551.661	25.659.630
Khoản ký quỹ của Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	967.793.190	4.885.706.108
Khoản ký quỹ của Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	235.795.819	164.235.800
Khoản ký quỹ của Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	68.121.067	142.020.162
Khoản ký quỹ của Chi nhánh tại TP Hải Phòng	-	7.670.328
Khoản ký quỹ của Văn phòng Công ty	2.262.731.907	5.813.559.211
Khoản ký quỹ của Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	18.000.000	-
Khoản ký quỹ của Phòng kinh doanh XNK	680.964.526	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.407.492.361</b>	<b>14.485.705.510</b>
<b>3.4 Tài sản dài hạn khác</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản ký quỹ tại		
<i>Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ TP Hà Nội</i>	<i>1.950.000</i>	-
<i>Bệnh viện 105</i>	<i>10.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo</i>	<i>1.000.000.000</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.011.950.000</b>	-

2013  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO  
 CHỖ CHỮ KÝ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Năm 2013

(tiếp theo)

3.5 Phải trả người bán	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán tại Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	1.379.901.830	462.712.706
Phải trả người bán tại Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	21.251.147.080	18.211.070.904
Phải trả người bán tại Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	8.556.194.191	4.229.005.502
Phải trả người bán tại Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	-	143.942.366
Phải trả người bán tại Văn phòng đại diện HCM	6.623.820.876	-
Phải trả người bán tại Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	4.504.692.933	2.697.674.562
Phải trả người bán tại Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	10.143.514.973	-
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	86.580.577.134	219.025.470.092
Phải trả người bán tại Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	9.108.938.485	12.068.895.620
Phải trả người bán tại Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	3.049.881.555	564.888.729
Phải trả người bán tại Phòng kinh doanh XNK	111.486.541.242	-
Phải trả người bán tại Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	-	58.626.014
<b>Tổng cộng</b>	<b>262.685.210.299</b>	<b>257.462.286.495</b>
3.6 Người mua trả tiền trước	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	1.860.357.513	1.351.863.664
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	64.454.650	5.437.822.254
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	-	13.394.755
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh Hà Nội	303.000.000	1.901.022.915
Người mua trả tiền trước tại Văn phòng đại diện TP HCM	702.931.784	-
Người mua trả tiền trước tại Phòng kinh doanh XNK	11.362.319.177	-
Người mua trả tiền trước tại Văn phòng Công ty	18.086.078.118	58.935.588.795
Người mua trả tiền trước tại Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	1.674.798.445	1.357.471.363
Người mua trả tiền trước tại Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	2.547.550.000	46.906.000
Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	110.987.454	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.712.477.141</b>	<b>69.044.069.746</b>
3.7 Phải trả dài hạn khác	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	2.234.452.000	2.234.452.000
Công ty Đầu tư - Phòng kinh doanh XNK Việt Nam	434.452.000	434.452.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Yên Khánh	500.000.000	500.000.000
Nhận tiền đặt cọc thuê Văn phòng phường 10	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân Vina 34 đặt cọc	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.234.452.000</b>	<b>2.234.452.000</b>

28  
T  
HỮU  
ĐỊN  
IA  
TP.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Năm 2013***(tiếp theo)*

<b>3.8 Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	10.543.462.615	11.601.156.930
Chi phí vật liệu, bao bì	920.007.251	460.620.832
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	735.730.946	534.477.258
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.768.943	207.610.453
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.886.151.906	15.091.227.947
Chi phí bằng tiền khác	2.637.586.643	4.924.264.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.938.708.304</b>	<b>32.819.357.782</b>
<b>3.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.695.745.586	6.004.041.454
Chi phí vật liệu quản lý	797.955.414	456.176.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	993.266.326	1.072.150.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	986.815.602	959.813.263
Thuế, phí và lệ phí	7.009.288.201	4.362.322.194
Chi phí dự phòng	113.124.813	41.660.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.278.254.696	2.162.079.743
Chi phí bằng tiền khác	1.833.808.829	1.888.579.931
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.708.259.467</b>	<b>16.946.823.462</b>
<b>3.10 Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu tiền thanh lý tài sản	12.909.091	97.816.501
Xử lý quỹ trợ cấp mất việc làm	1.321.392.516	-
Tiền bồi thường bảo hiểm hàng hóa	-	21.093.850
Khoản thu nhập khác do khách hàng hủy hợp đồng và trả tiền thừa	138.014.122	61.963.823
Thu tiền khách hàng chiết khấu	-	63.696.000
Các khoản Thu nhập khác	86.428.091	5.442.115
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.558.743.820</b>	<b>250.012.289</b>
<b>3.11 Chi phí khác</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	39.849.011	-
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	49.276.639	161.892.265
Tiền phạt chậm nộp BHXH	210.830.893	109.901.047
Hoàn trả Ngân sách nhà nước sau quyết toán dự án	-	79.038.000
Chi phí vượt từ cổ phần hóa	135.332.160	-
Phạt chậm tiến độ	382.055.498	-
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	71.837.594
Các khoản chi phí khác	13.538.732	44.435.758
<b>Tổng cộng</b>	<b>830.882.933</b>	<b>467.104.664</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2013**

*(tiếp theo)*

**3.12 Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO**

**Người lập**



**Đào Ngọc Thạch**

**Kế toán trưởng**



**Bùi Viết Tuấn**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Dũng**